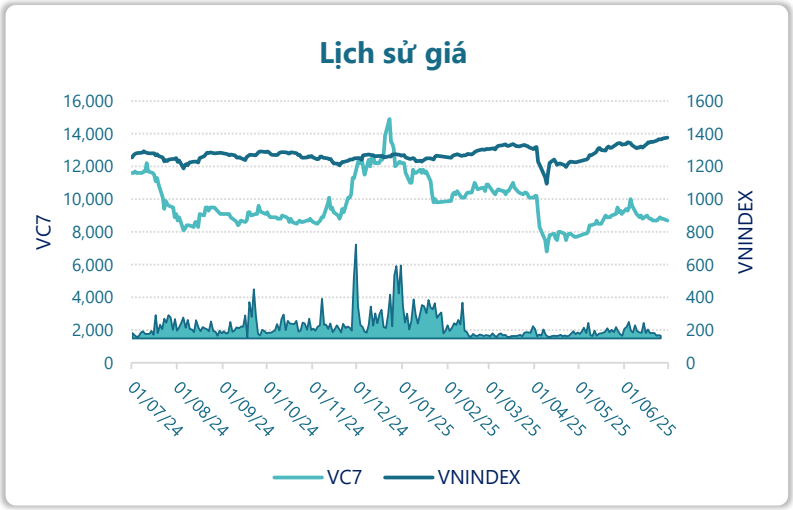
FireAnt

CTCP Tập đoàn BGI (HNX: VC7)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
SL cổ phiếu LH	96,090,556
KLGD BQ 20 phiên (CP)	395,460
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	836
P/E	59.7
EPS	146

DT thuần

Q2/25

149

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 97.9| 192%

YoY: ▲ 71.2| 92.0%

LN sau thuế

Q2/25

9.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.58| 224%

YoY: ▲ 2.69| 39.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.1%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần

6T 2025

200

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.0| 53.4%

LN sau thuế

6T 2025

12.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.10| 32.5%

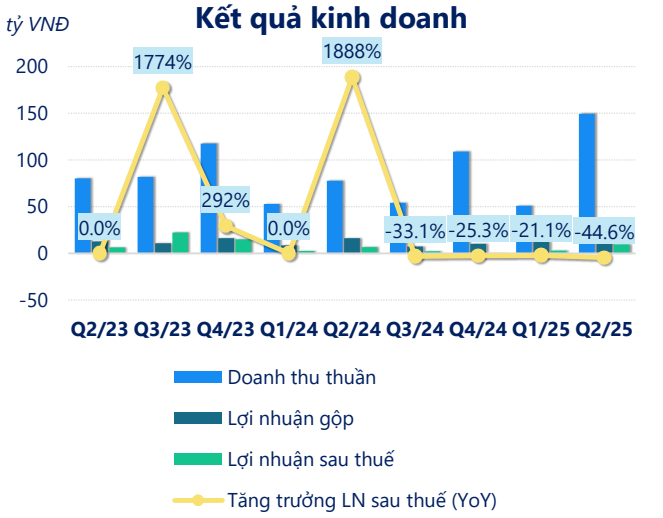
ROE

Q2/25

1.3%

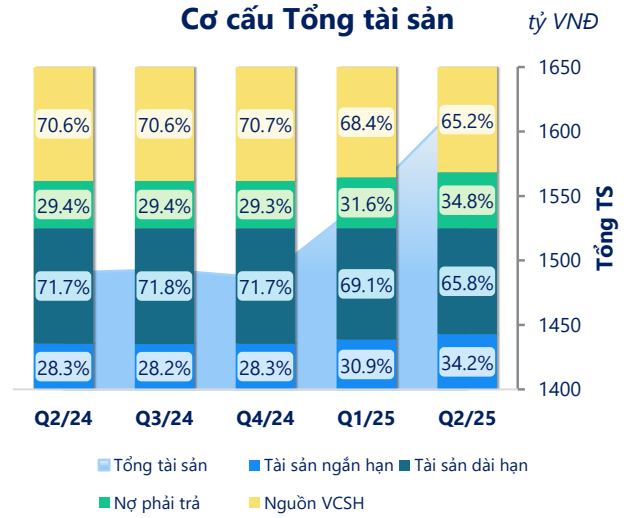
+/- YoY: ▼ 4.3%

Kết quả kinh doanh



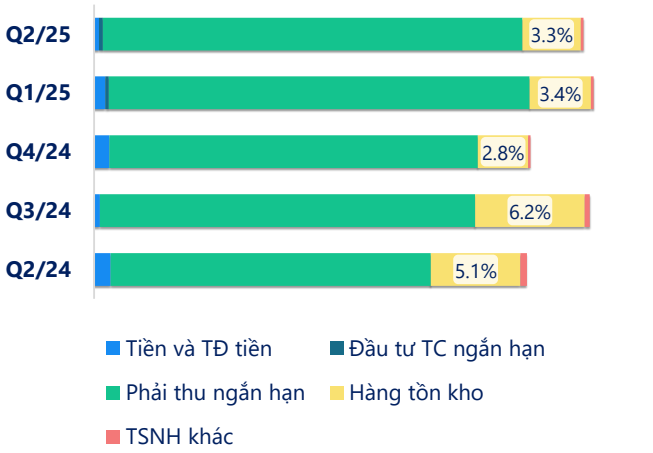
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



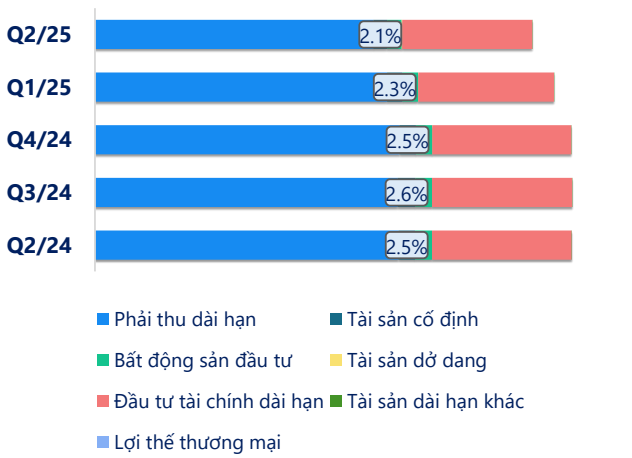
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



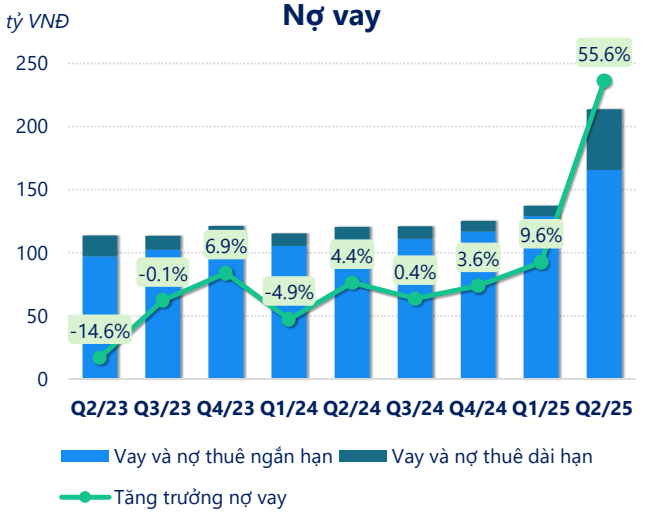
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



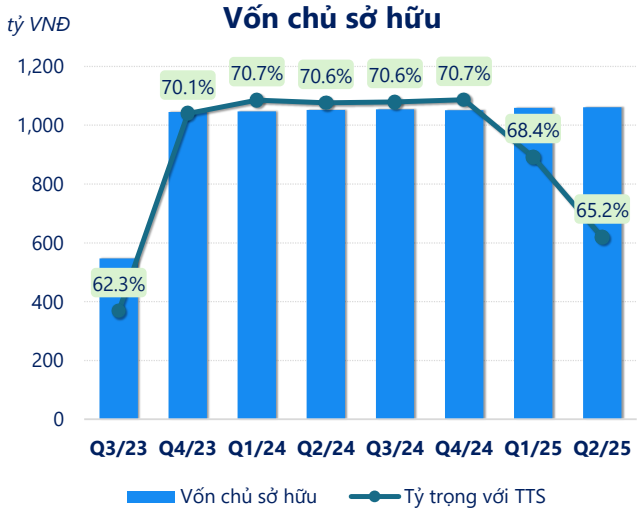
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



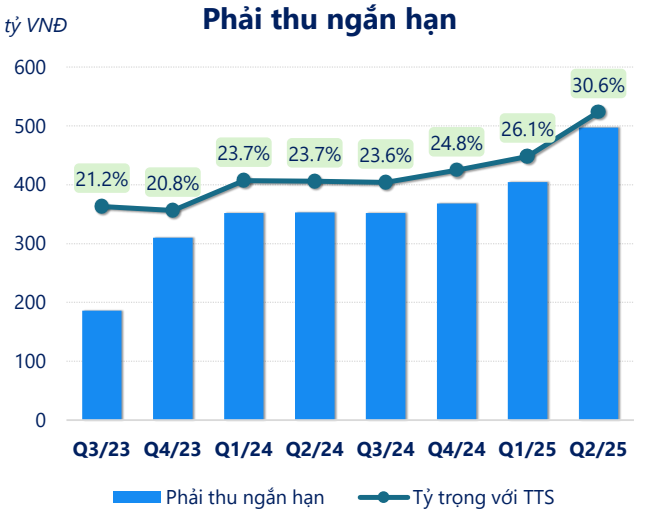
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



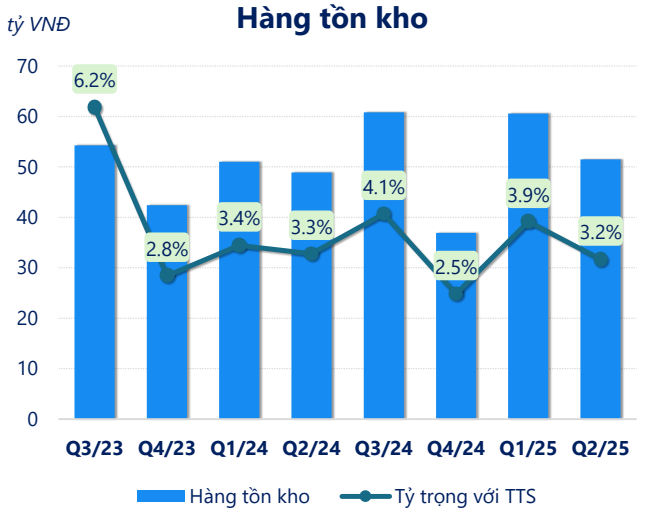
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



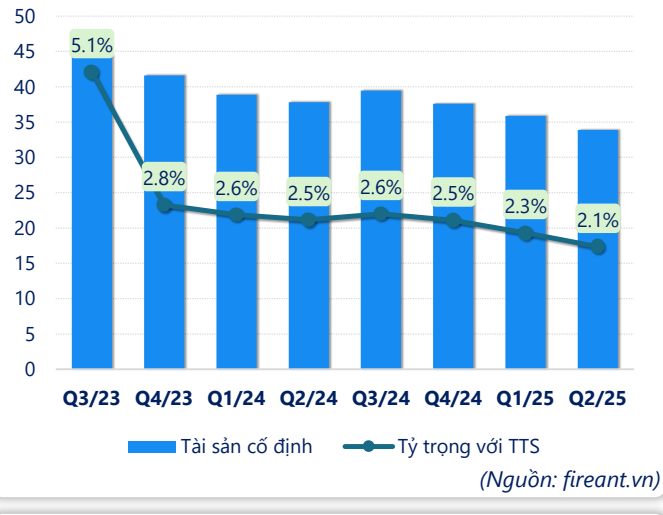
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



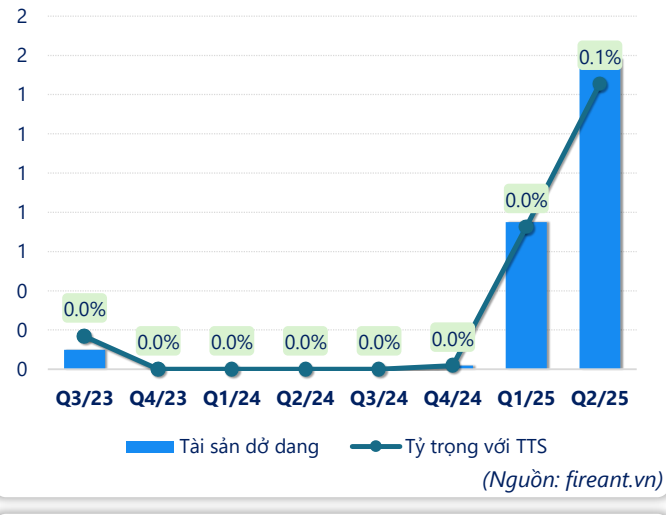
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



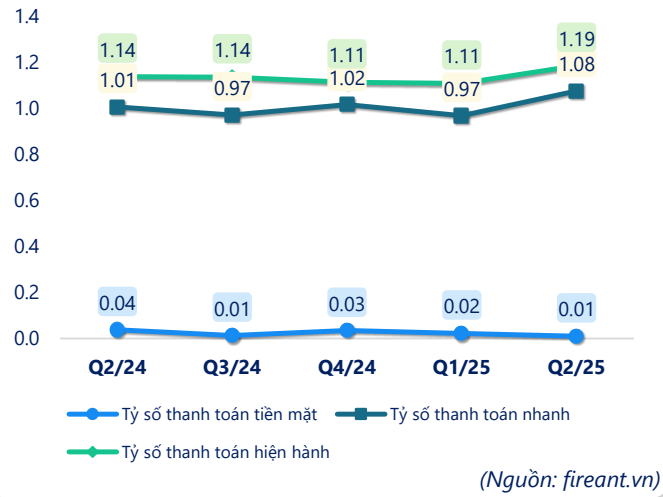
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



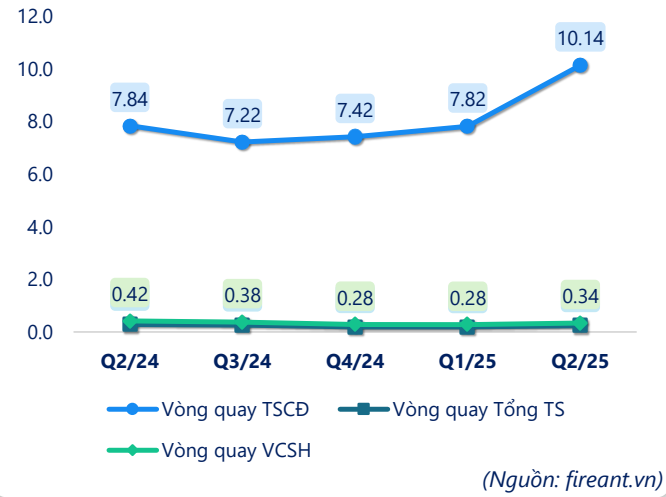
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,491**	**1,493**	**1,486**	**1,548**	**1,627**
Tài sản ngắn hạn	**421**	**421**	**421**	**479**	**556**
Tiền và tương đương tiền	14.0	4.82	13.0	9.65	4.61
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.12	0.50	1.08	0.48	0
Phải thu ngắn hạn	353	352	368	405	497
Hàng tồn kho	48.9	60.8	36.9	60.6	51.5
Tài sản ngắn hạn khác	2.39	3.14	2.04	3.11	2.75
Tài sản dài hạn	**1,069**	**1,072**	**1,065**	**1,069**	**1,071**
Phải thu dài hạn	680	680	680	680	681
Tài sản cố định	37.8	39.4	37.6	35.9	33.9
Bất động sản đầu tư	37.7	37.1	36.6	36.0	35.4
Tài sản dở dang	0	0	0.02	0.75	1.58
Đầu tư tài chính dài hạn	313	315	310	316	318
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.17	0.20	0.23	0.27
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**439**	**439**	**436**	**489**	**566**
Nợ ngắn hạn	**370**	**371**	**378**	**432**	**469**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	111	117	129	166
Phải trả người bán ngắn hạn	81.5	76.2	65.9	55.0	65.0
Nợ dài hạn	68.8	68.4	57.7	57.4	97.2
Vay và nợ thuê dài hạn	10.0	9.80	8.64	8.43	48.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,052**	**1,054**	**1,051**	**1,059**	**1,061**
Vốn chủ sở hữu	**1,052**	**1,054**	**1,051**	**1,059**	**1,061**
Vốn điều lệ	961	961	961	961	961
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)